

Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo từ năm 1997 đến năm 2007 / Trần Hoàng Hạnh

1. Lý do chọn đề tài

Hơn tám mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự nghiệp giáo dục đào tạo nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Trong quá trình đó Đảng luôn chú trọng sự nghiệp “trồng người” vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Trong bước chuyển của thời đại sang nền kinh tế tri thức, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ đã ngày càng trở thành yếu tố trực tiếp của lực lượng sản xuất hiện đại. Giáo dục đào tạo không những là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là một trong những cột đỡ chính của kinh tế - xã hội. Ngoài ra, giáo dục đào tạo còn có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc hình thành lý tưởng, đạo đức, nhân cách của con người Việt Nam, của thế hệ tương lai vì một xã hội tiến bộ, văn minh mà chúng ta mong muốn xây dựng.

Hòa chung vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Thành phố Đà Nẵng sau khi trở thành thành phố trực thuộc TW (từ ngày 1/1/1997) với sức sống mới, khí thế làm ăn mới của một thành phố lớn ở khu vực duyên hải miền Trung đã đạt được nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng. Sớm nhận thức được vị trí, vai trò của giáo dục đào tạo Đảng bộ thành phố đã lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo có những bước phát triển vững chắc vì mục tiêu “*Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*”.

Cùng với sự phát triển về quy mô, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, phương thức đào tạo, cơ sở vật chất được tăng cường, chất lượng giáo dục của thành phố từng bước được nâng cao và Đà Nẵng đã trở thành trung tâm giáo dục đào tạo của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển giáo dục đào tạo, Thành phố Đà Nẵng còn nhưng hạn chế và đối mặt với nhiều vấn đề mới nảy sinh cần phải khẩn trương, tích cực tháo gỡ, khắc phục nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để góp phần tổng kết sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng trong sự nghiệp giáo dục đào tạo từ năm 1997 đến năm 2007, chúng tôi đã chọn nội dung: ***“Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo từ năm 1997 đến năm 2007”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Quan điểm của Đảng về giáo dục đào tạo và thực trạng giáo dục đào tạo ở các địa phương là một vấn đề rộng lớn, phong phú và sâu sắc thu hút được sự chú ý của nhiều nhà lãnh đạo quản lý và các chuyên gia.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt đến sự nghiệp giáo dục nước nhà, Người thường nói *“muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”*, muốn vậy trước hết phải làm tốt công tác giáo dục. Người đã viết cuốn *“Bàn về công tác giáo dục”*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1972. Trong cuốn sách này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu bật vai trò cực kỳ quan trọng của công tác giáo dục, phản ánh sự cần thiết của một nền giáo dục dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; vạch ra phương hướng cơ bản cho chiến lược con người, chiến lược phát triển giáo dục ở nước ta trong suốt mấy chục năm qua và cả thời gian sắp tới.

- Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng đã có các tác phẩm, bài viết về giáo dục đào tạo như: Cuốn *“Về vấn đề giáo dục đào tạo”* của đồng chí Phạm Văn Đồng, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999. Cuốn sách này đã nêu lên vai trò của giáo dục đào tạo và khẳng định để sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh mẽ cần có sự nhận thức đúng đắn, sâu sắc của toàn Đảng, toàn dân và có được những chính sách hữu hiệu.

Bài *“Phát triển mạnh mẽ giáo dục đào tạo phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước”* của đồng chí Đỗ Mười - đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục (tháng 1/1996) khẳng định: muốn đưa sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước nhanh chóng đến thắng lợi thì dứt khoát phải phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Ấu hững tài liệu này là một hệ thống quan điểm, tư tưởng khoa học về quản lý phát triển giáo dục đào tạo. Đó chính là cơ sở tư tưởng và lý luận cho đường lối, chính sách giáo dục đã và đang tiến hành ở nước ta, cho nền khoa học giáo dục

Việt ả am, cho việc xây dựng và phát triển nhà trường Việt ả am mới, cho chiến lược xây dựng con người mới của đất nước Việt ả am xã hội chủ nghĩa.

- ả goài ra còn có các công trình nghiên cứu về giáo dục đào tạo như: *“Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI”* của GS.TS Phạm Minh Hạc, ả xb Chính trị quốc gia, Hà ả ội, 1999. Cuốn sách này đã trình bày tính chất của nền giáo dục, nguyên lý, nội dung, hệ thống giáo dục nước ta qua các giai đoạn lịch sử; phân tích mối quan hệ giữa giáo dục và phát triển nguồn lực, các nguồn lực phát triển giáo dục và phương hướng phát triển giáo dục trong thời gian tới. Cũng bàn về giáo dục, cuốn sách *“Nhân tố mới về giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* do GS.TS Phạm Minh Hạc chủ biên, ả xb Chính trị quốc gia, Hà ả ội, 2002 cũng đã nêu bật được những chuyển biến tích cực về chất lượng dạy và học; có được những kết quả này là do sự cải tiến về phương pháp của cả thầy lẫn trò, phong trào học tập trong nhân dân được đẩy mạnh. Từ đó xuất hiện những nhân tố mới, những kinh nghiệm hay để góp phần thực hiện thắng lợi đường lối giáo dục đào tạo của Đảng.

Đã có nhiều luận văn nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về giáo dục đào tạo ở từng địa phương trong cả nước như:

+ *“Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ đổi mới (1997 - 2006)”* của Phạm Thị Thiết.

+ *“Đảng bộ thị xã Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo (1986 - 2000)”* của Tường Thúy ả hân.

+ *“Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo (1991 - 2001)”* của Trần Văn Dũng.

+ *“Đảng bộ Đồng Tháp với chiến lược phát triển giáo dục (1976 - 1996)”* của Lê Vũ Hùng.

+ *“Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lãnh đạo sự nghiệp giáo dục phổ thông (1991 - 2001)”* của ả guyễn Sĩ Hà.

ả hững luận văn trên phong phú, đa dạng về nội dung và phạm vi nghiên cứu nhưng đều nhằm tìm phương hướng cho sự phát triển giáo dục đào tạo của từng địa phương cũng như của cả nước.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu có hệ thống về Đảng bộ Thành phố Đà ă ăng lãnh đạo phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo từ năm 1997 đến năm 2007.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

**** Mục đích nghiên cứu của luận văn***

Làm rõ sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Đà ă ăng về phát triển giáo dục đào tạo của địa phương từ năm 1997 - 2007 từ đó rút ra những nhận xét và đề xuất một số khuyến nghị phục vụ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của thành phố.

**** Nhiệm vụ của luận văn***

Luận văn trình bày một cách có hệ thống quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Đà ă ăng trong việc vận dụng đường lối phát triển giáo dục đào tạo của Đảng vào thực tiễn địa phương từ năm 1997 đến năm 2007.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**** Đối tượng nghiên cứu***

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Đà ă ăng trong lĩnh vực phát triển giáo dục đào tạo thể hiện ở những chủ trương biện pháp và tổ chức thực hiện của Đảng bộ Thành phố từ năm 1997 đến năm 2007.

**** Phạm vi nghiên cứu***

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu vai trò lãnh đạo của Thành phố Đà ă ăng đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo của Thành phố.

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu trong 10 năm từ năm 1997 đến năm 2007.

- Về không gian: ă ă nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Đà ă ăng.

5. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

**** Nguồn tài liệu***

- Hệ thống văn kiện của Đảng Cộng sản Việt ă ăm từ năm 1986 đến năm 2007 liên quan đến đề tài.

- Các văn kiện của Đảng bộ thành phố Đà ă ăng, báo cáo hàng năm của Ủy ban nhân dân, Sở Giáo dục đào tạo Thành phố Đà ă ăng, báo cáo hàng năm của các quận, huyện tiêu biểu.

- Một số công trình nghiên cứu khảo sát, đánh giá có liên quan.

*** Phương pháp nghiên cứu:**

Trên cơ sở phương pháp luận mác-xít và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đào tạo, phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận văn là phương pháp lịch sử, phương pháp logic và sự kết hợp hai phương pháp đó.

Cùng với các phương pháp so sánh, thống kê, tổng hợp... để trình bày kết quả nghiên cứu làm rõ nội dung nêu trên.

6. Đóng góp của luận văn

- Trình bày có hệ thống chủ trương của Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng về giáo dục đào tạo trong thời kì (1997 - 2007). Trên cơ sở đó luận văn xây dựng các khuyến nghị để phát triển giáo dục đào tạo của Thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ mới.

- Khẳng định những thành tựu về giáo dục đào tạo của Thành phố Đà Nẵng sau mười năm trở thành thành phố trực thuộc TW.

- Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng.

7. Kết cấu của luận văn

Ải goài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương, 6 tiết:

Chương 1: Thực trạng phát triển giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng (1986 - 1996).

Chương 2: Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo (1997 - 2007).

Chương 3: Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị.

Chương 1

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (1986 - 1996)

1.1. Tổng quan về Thành phố Đà Nẵng

1.1.1. Lược sử hình thành

Đà Nẵng là một thành phố trực thuộc TW, nằm ở vùng duyên hải miền Trung Bộ Việt Nam. Là một trong những đô thị lớn của Việt Nam, Đà Nẵng đã và đang khẳng định vị trí của mình trong tiến trình phát triển của cả nước.

Theo ngôn ngữ Chăm, địa danh Đà Nẵng có nghĩa là “sông lớn” hay “cửa sông cái”, chỉ một vùng đất ở miền đèo Hải Vân, quanh cửa sông Hàn. 2000 đến 3000 năm trước, vùng đất này cũng như phần lớn vùng đồng bằng ven biển miền Trung cũng có một nền văn hóa, có tên Sa Huỳnh. Năm 1306 là mốc lịch sử đánh dấu vùng đất Đà Nẵng, bắt đầu sát nhập vào lãnh thổ quốc gia Đại Việt, thuộc đạo Hóa Châu (gần Thừa Thiên và vùng đất từ đèo Hải Vân đến bắc sông Thu Bồn) và Đà Nẵng được ghi trên các bản đồ vẽ từ thế kỷ XVII trở đi. Cho đến thế kỷ XIX, địa danh Đà Nẵng là tên gọi của một vùng lãnh thổ gắn liền với một cửa biển, một vịnh nước, bao quát một vùng dân cư nằm trên tả ngạn sông Hàn.

Cuối thế kỷ XVI, khi Hội An (Quảng Nam) đang phát triển rực rỡ như một cảng thị buôn bán với nước ngoài quan trọng nhất của nước ta thì Đà Nẵng được coi là một “*tiền cảng*” hay “*cảng tạm dừng*” của các nhà hàng hải và thương nhân. Trong con mắt của họ, Hội An là cửa ngõ của Đà Nẵng còn Đà Nẵng là cái sân sau của Hội An. Đầu thế kỷ XVIII trở về sau, khi Hội An bắt đầu sa sút thì họ lại dồn sự quan tâm của mình cho Đà Nẵng với những tiềm năng ưu việt của một hải cảng lớn. Năm 1773, sứ đoàn của Anh do Ma-cát- này dẫn đầu trên đường qua Trung Hoa đã cập bến Đà Nẵng và một nhân viên trong sứ đoàn này đã ghi lại nhận xét của mình khi đặt chân tới cửa biển này: “*Vịnh Đà Nẵng xứng đáng mang danh hải cảng lớn hơn*”

là Vịnh, đó là một trong những cảng lớn và vững chắc nhất được thấy trong khu vực mà sứ đoàn đi qua". Từ đó các tàu thuyền của ả hạt Bản, Trung Hoa và châu Âu đã chọn Đà ả ẩng là nơi giao dịch hàng hóa chủ yếu và Đà ả ẩng trở thành một hải cảng quan trọng bậc nhất ở miền Trung Việt ả am lúc bấy giờ.

ả gay sau khi giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng ả am - Đà ả ẩng, nhân dân Đà ả ẩng nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng thành phố ngày càng giàu đẹp văn minh. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng những thành quả của công cuộc khôi phục và phát triển thành phố, nhất là từ sau thời kỳ đổi mới (1986) đến nay đã và đang khẳng định con đường đi lên của mình trong tương lai. ả gày 6/11/1996 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã thông qua ả ghị quyết tách tỉnh Quảng ả am - Đà ả ẩng thành tỉnh Quảng ả am và Thành phố Đà ả ẩng trực thuộc TW.

ả gày 15/7/2003, Đà ả ẩng được chính phủ công nhận là đô thị loại 1, mở ra một cơ hội mới cho thành phố phát triển, xứng đáng là trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất miền Trung - Việt ả am.

1.1.2. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

a, Điều kiện tự nhiên

Thành phố Đà ả ẩng có diện tích tự nhiên là 1.255,53 km²; bao gồm sáu quận nội thành (Hải Châu, Thanh Khê, ả gũ Hành Sơn, Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ), một huyện ngoại thành (Hòa Vang) và một huyện đảo (Trường Sa). Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía ả am và Tây giáp tỉnh Quảng ả am. Đà ả ẩng là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây ả guyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua hành lang kinh tế Đông - Tây với điểm kết thúc là cảng biển Tiên Sa. ả ẩng ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế Thành phố Đà ả ẩng có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững. ả goài ra, Đà ả ẩng là trung tâm của ba di sản văn hóa thế giới nổi tiếng là cố đô Huế, Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn. Đồng thời chính yếu tố vị trí địa lý này cũng đặt ra những thách thức phải vượt qua để phát triển nhanh nền kinh tế, nhất là nền kinh tế mũi nhọn theo thế mạnh đặc thù có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Đà ả ẩng và vùng trọng điểm miền Trung - Tây ả guyên.

Địa hình Thành phố Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, từ đây có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ vùng đồng bằng ven biển hẹp. Hệ thống sông ngòi ngắn và dốc, bắt nguồn từ phía Tây, Tây bắc và tỉnh Quảng Nam. Đồng bằng ven biển là vùng đất thấp chịu ảnh hưởng của biển bị nhiễm mặn, là vùng tập trung nhiều cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, quân sự, đất ở và các khu chức năng của thành phố.

b, Đặc điểm kinh tế - xã hội

Cùng với sự phát triển đi lên của cả nước nói chung thì tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Nẵng cũng đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ không ngừng. Tuy chỉ mới thay da đổi thịt trong hơn mười năm trở lại đây nhưng Đà Nẵng đã từng bước khẳng định được vị trí trung tâm của mình ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Với những lợi thế về mặt địa lý, tiềm năng kinh tế, năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. Toàn Đảng, toàn dân thành phố đã và đang hướng tới mục tiêu tự tin vững bước trong quá trình phát triển chung của cả nước với mục tiêu chính là xây dựng thành phố trở thành một đô thị văn minh, hiện đại phát triển bền vững.

Đến năm 2009, Thành phố Đà Nẵng có 777.216 người, dân số 6 quận nội thành chiếm 78,94%, dân số trong độ tuổi lao động chiếm 53,5%. Tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân của thành phố là 303.305 người. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 30,21%; lao động công nghiệp và xây dựng chiếm 37,96%; lao động dịch vụ chiếm 37,96%. Số lao động chưa có việc làm chiếm khoảng 6%.

Đà Nẵng trung tâm của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, là nơi tập trung các cơ quan nghiên cứu các cơ sở đào tạo của cả khu vực. Trình độ dân trí và trình độ kỹ thuật nguồn nhân lực của Thành phố Đà Nẵng tương đối cao so với trung bình của cả nước, lao động trình độ đại học chiếm khoảng 14,5%, lao động trình độ trung học chiếm 7,5%, công nhân kỹ thuật khoảng 25,1%. Tỷ lệ cơ cấu lao động giữa các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp là 31,8% - 42,5% - 19,4%.

Cơ sở hạ tầng: Thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn đầu tư mạnh cho cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

Hệ thống tài chính tín dụng: số lượng các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng đầu tư tại Đà ả ẩng tương đối nhiều và đa dạng, bên cạnh có còn có các công ty tài chính và quỹ hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp trong đầu tư. Hệ thống thanh toán nhanh và tiện dụng.

Y tế, giáo dục cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và khu vực lân cận cả về số lượng và chất lượng.

Về chính trị, Đà ả ẩng giữ vững và đảm bảo trật tự an toàn cho nhân dân cũng như môi trường đầu tư và phát triển của các thành phần kinh tế.

1.1.3. Truyền thống văn hóa - giáo dục

Vùng văn hóa xứ Quảng được hình thành trong tổng thể vùng văn hóa miền Trung, dựa trên nền tảng văn hóa Sa Huỳnh và nền văn hóa Chăm-pa rực rỡ, từ xa xưa đã hiện hữu trên mảnh đất Hóa Châu - vùng đất cực ả am của Đại Việt (từ phía ả am Thừa Thiên Huế đến bờ Bắc sông Thu Bồn hiện nay). Vì thế, khi nói đến giá trị văn hóa Xứ Quảng, không chỉ những người Quảng ả am - Đà ả ẩng mà còn bao gồm những con người thuộc các dân tộc sống trên mảnh đất này từ thuở khai hoang, dựng nghiệp cho đến nay đã đồng tâm hiệp lực tạo nên diện mạo đặc trưng của một vùng.

1.2. Thực trạng phát triển giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng từ năm 1986 đến năm 1996

Sau 10 năm đổi mới, giáo dục đào tạo Thành phố Đà ả ẩng trực thuộc tỉnh Quảng ả am - Đà ả ẩng đã khắc phục những mặt khó khăn của mặt trái cơ chế thị trường tác động và thu được những kết quả bước đầu sau đây:

Đã cải tiến một bước cấu trúc hệ thống giáo dục, đa dạng hóa các loại hình trường, các loại hình giáo dục đào tạo, sắp xếp và phát triển mạng lưới trường.

Quy mô giáo dục đào tạo phát triển ở mọi cấp học, bậc học

Bước đầu đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục đào tạo

Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, giáo dục đào tạo Thành phố Đà ả ẩng trong 10 năm (1986 - 1996) sau đổi mới đã đạt được những chuyển biến bước đầu đúng hướng, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng được điều kiện, tạo ra nhân tố mới cần thiết cho sự phát triển. Giáo dục đào tạo Thành phố Đà ả ẩng đã đạt được nhiều thành tích và trở thành một trong những lá cờ đầu của

giáo dục đào tạo tỉnh Quảng ả am - Đà ả ả ả. ả gành giáo dục đào tạo thành phố đã huy động các nguồn lực theo phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” để đầu tư xây dựng cơ sở trường học, từng bước giải quyết sức ép về tăng quy mô. Chất lượng giáo dục luôn được chú trọng; tỷ lệ học sinh đủ điều kiện lên lớp, học sinh khá, giỏi cuối cấp và học sinh giỏi cấp quốc gia khá ổn định. 100% xã, phường trên địa bàn thành phố đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ; quận Liên Chiểu đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Đội ngũ giáo viên từng bước được chuẩn hóa và khắc phục dần tình trạng thiếu giáo viên các cấp học, ngành học. Thành phố đã có 9 giáo viên được phong tặng danh hiệu ả hà giáo ưu tú, 290 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi và 127 cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua.

Tuy nhiên, nhìn lại quá trình thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục của Đảng bộ Thành phố Đà ả ả ả giai đoạn 1986 - 1996, có thể thấy ngành giáo dục đào tạo Đà ả ả ả cũng còn có những thiếu sót như đề ra mục tiêu quá cao (phổ cập THPT) khi chưa có đủ điều kiện.

Đã có biểu hiện thương mại hóa trong việc dạy thêm; dạy khoán; dạy môn nào thu tiền môn ấy; dạy quá đông học sinh.

Tuy tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn ở Đà ả ả ả cao hơn nhiều địa phương khác trong cả nước song thực tế giảng dạy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách giáo dục, nhất là chương trình phân ban trung học phổ thông.

ả hững khó khăn trên đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Thành phố Đà ả ả ả phải tiếp tục tập trung tháo gỡ để đưa sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển lên một bước mới, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chương 2

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (1997 - 2007)

2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Sự nghiệp giáo dục đào tạo được Đại hội toàn quốc lần thứ X (năm 2006) đặc biệt quan tâm và nhấn mạnh hơn: *“Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

Đảng và ả hà nước đã chủ trương phát triển giáo dục một cách tổng thể và toàn diện, bắt đầu từ chủ trương phát triển giáo dục mầm non, thực hiện xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở trên phạm vi cả nước, tạo môi trường thuận lợi để cho mọi người học tập và học tập suốt đời. Điều hành hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục đào tạo, quan tâm đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế, thực hiện tốt chính sách giáo dục gắn với phát triển kinh tế xã hội.

Đảng và ả hà nước phải quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp giáo dục đào tạo nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và nhân dân lao động để họ tham gia hội nhập mà vẫn giữ vững truyền thống văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, làm chủ khoa học tiên tiến. ả ảng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện *“chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”*, chấn hưng nền giáo dục Việt ả am; Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Trong giai đoạn từ 1986 đến 2006, trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo chung, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X và ả ghị quyết hội nghị TW 4 (khóa VII), ả ghị quyết hội nghị 2 (khóa VIII), ả ghị quyết hội nghị 6 (khóa IX) đã nêu những mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu; Là động lực và điều kiện để thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội; Là chìa khóa để mở cửa để mở cửa tiến vào tương lai; Là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; là điều kiện để phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

2.2. Chủ trương phát triển giáo dục đào tạo của Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng từ năm 1997 đến năm 2002

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng

Tiếp nối truyền thống yêu nước chiến đấu chống ngoại xâm và lao động cần cù sáng tạo xây dựng quê hương, quán triệt á nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, vận dụng tinh thần cơ bản của á nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng á am - Đà á ằng lần thứ XVI vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của một thành phố trực thuộc ; dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng. Thành ủy Lâm thời Đà á ằng đã nhanh chóng đi vào hoạt động, lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân thành phố đạt được những kết quả bước đầu có ý nghĩa, tạo đà cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII họp từ ngày 23 tháng 10 đến ngày 25 tháng 10 năm 1997 có một ý nghĩa đặc biệt. Đại hội là sự kế tục những nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang suốt 16 kỳ Đại hội kể từ khi thành lập Đảng bộ Quảng á am - Đà á ằng. Đây là Đại hội có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở ra một thời kỳ phát triển mới của Thành phố Đà á ằng với vị thế một thành phố trực thuộc. Đại hội đã đánh giá tình hình hoạt động của đảng bộ thành phố từ khi thành lập đến nay, đặc biệt tập trung trí tuệ phân tích đúng thực trạng cũng như triển vọng và những vấn đề mới nảy sinh. Trên cơ sở đó, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đến năm 2000, đồng thời bầu ra Ban Chấp hành mới nhằm lãnh đạo thành phố vươn lên xứng đáng với tiềm năng, vị trí của mình, góp phần cùng cả nước tiến vào thế kỷ XXI. Cùng với việc tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, Thành ủy, UBả D thành phố và các cấp ủy Đảng, chính quyền thực sự coi trọng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ... á hững vấn đề này được Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII thảo luận kỹ và đề ra phương hướng và nhiệm vụ.

Bước sang thiên niên kỷ mới, Đảng bộ và nhân dân Thành phố Đà Nẵng cũng có những thuận lợi cơ bản với vị thế mới của thành phố đã mang lại niềm phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; với vị thế ấy, Đà Nẵng có thêm sức thu hút trên một số lĩnh vực nhất định, đồng thời cũng có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tranh thủ sự quan tâm trực tiếp của Đảng và cả nhà nước, sự hỗ trợ của các bộ, ngành và sự phối hợp của các địa phương bạn. Việc khai thác và phát huy nội lực của thành phố được tăng cường, sự đầu tư của nhân dân cho sản xuất kinh doanh, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị cũng phát triển mạnh hơn. Riêng ngành giáo dục vẫn giữ và phát huy tốt truyền thống “*dạy tốt - học tốt*”. Để hàn gắn những khó khăn thách thức, phát huy những thuận lợi, Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng đã có ý thức đầy đủ trách nhiệm và đoàn kết được nhân dân địa phương, hướng mọi nỗ lực, khắc phục khó khăn để vươn lên thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ấu hư vậy, với những chủ trương, biện pháp được Đảng bộ quyết định đã thực sự định hướng cho các mặt hoạt động của giáo dục đào tạo nhằm khắc phục dần những tồn tại, thiếu sót và từng bước đưa sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển và đạt kết quả tốt hơn trong thời gian tiếp theo.

2.2.2. Quá trình tổ chức thực hiện

Trên thực tế từ năm 1997 đến năm 2002, ngành giáo dục đào tạo Đà Nẵng đã thực sự có nhiều thay đổi lớn. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố, ngành giáo dục đào tạo thành phố đã tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được ở các năm trước, đồng thời từng bước khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém để tạo nên bước chuyển mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cụ thể:

Về mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài:

Về công tác quản lý, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trường học, xây dựng đội ngũ:

Về phát triển giáo dục và đào tạo các xã miền núi, vùng ven:

Về công tác xây dựng Đảng:

Về công tác xã hội hóa giáo dục:

ả hư vậy, nhìn lại 5 năm thực hiện ả ghị quyết TW 2, thực hiện Chương trình hành động lãnh đạo thực hiện ả ghị quyết TW 2 của Thành ủy, các mục tiêu đề ra đều thực hiện đạt và vượt. Sự nghiệp giáo dục đào tạo thành phố đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Liên tiếp 2 năm học 2000 - 2001 và 2001 - 2002, ngành giáo dục đào tạo thành phố đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng về việc hoàn thành 11/11 chỉ tiêu công tác được tặng Cờ Đơn vị dẫn đầu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu công tác năm học, trong đó có 4 chỉ tiêu dẫn đầu cả nước.

Bên cạnh những thành tựu to lớn trên, giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng từ 1997 - 2002 cũng còn một số hạn chế nhất định cần phải khắc phục.

Nguyên nhân của những mặt hạn chế trên là:

- Qui mô phát triển số lượng học sinh, trường lớp tăng nhanh trong khi ngân sách đầu tư chưa tương xứng, việc huy động các nguồn lực khác còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc chậm cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm được nêu tại ả ghị quyết 2 (khoá VIII), ả ghị quyết 90/CP, ngày 21/8/1997, và ả ghị định 73/1999/ả Đ-CP, ngày 19/8/1999 của Chính phủ về công tác xã hội hoá giáo dục; việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện đã có ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục đào tạo của thành phố, nhất là trên lĩnh vực xã hội hoá giáo dục.

- ả ăng lực điều hành và tổ chức hoạt động, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới cách nghĩ, cách làm.

2.3. Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển giáo dục đào tạo từ năm 2002 đến năm 2007

2.3.1. Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng lãnh đạo phát triển giáo dục đào tạo

Đà ả ăng bước vào thời kỳ phát triển mới trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt; đặc biệt thành phố phát triển trong xu thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài ngày càng tăng.

Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để cùng cả nước vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới đồng thời triển khai các kết luận của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp

hành khóa IX, ngày 04 tháng 11 năm 2002 Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã có quyết định số 114/2002/QĐ-UB Đà Nẵng về việc Ban hành “*Đề án tiếp tục thực hiện Nghị quyết 2 (Khóa VIII) và phương hướng phát triển giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010.*” Đề ra nhiệm vụ và giải pháp phát triển giáo dục đào tạo:

Về nhiệm vụ chung:

“Tập trung phát triển giáo dục mạnh hơn, khẩn trương hơn và hiệu quả hơn trên địa bàn thành phố theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Hoàn thành nhiệm vụ xoá mù chữ đến người cuối cùng trong độ tuổi theo kế hoạch “5 không” của thành phố; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, tiến tới hoàn thành phổ cập giáo dục trung học học cơ sở đúng độ tuổi, tạo cơ sở vững chắc hoàn thành Phổ cập giáo dục Trung học (bao gồm Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy chuyên nghiệp và dạy nghề)”.

Đồng thời, đề án cũng đã nêu những nhiệm vụ cụ thể thông qua các chương trình từ năm 2002 đến năm 2005 và 2010 với những nội dung:

Chương trình thứ nhất: Thực hiện tốt việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Tích cực đầu tư thiết bị dạy - học, xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn đào tạo theo qui định nhằm bảo đảm giảng dạy tốt chương trình và sách giáo khoa mới ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, tạo tiền đề thuận lợi nhất để thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới cho các lớp tiếp theo.

Chương trình thứ hai: Nâng cao dân trí và chất lượng, hiệu quả giáo dục; đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Chương trình thứ ba: Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; thực hiện kỷ cương, nền nếp trong nhà trường.

Chương trình thứ tư: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, lao động sản xuất trong nhà trường.

Chương trình thứ năm: Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc, miền núi và vùng ven, giáo dục trẻ khuyết tật; đảm bảo thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đào tạo.

Chương trình thứ sáu: Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện.

Chương trình thứ bảy: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Chương trình thứ tám: Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo.

Ả hững thành tựu của 20 năm đổi mới, nhất là của 5 năm nhiệm kỳ Đại hội IX đã mở ra những triển vọng tốt đẹp để nước ta đạt mục tiêu cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2020. Cùng với cả nước, Đà ả ả ả đang trên tiến trình hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu với ưu thế ngày càng mạnh lên của nền kinh tế tri thức. Với yêu cầu phát triển của 10 năm đầu thế kỷ XXI và Tầm nhìn 2020, Đà ả ả ả sẽ phát triển thành một trong những đô thị lớn của cả nước với quy mô dân số khoảng 1,5 triệu người; không gian đô thị ngày càng mở rộng. Đà ả ả ả sẽ phát huy vai trò là đô thị trung tâm của miền Trung, đầu mối giao thông quan trọng và cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh miền Trung, Tây ả ả ả và hành lang Đông - Tây; cùng với Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất đóng vai trò động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh của khu vực và cả nước.

2.3.2. Thành tựu giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng từ năm 2002 đến năm 2007

- a, Quy mô và mạng lưới trường lớp của các cấp học, ngành học*
- b, Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*
- c, Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*
- d, Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học*
- e, Thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục*
- f, Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục*
- g, Thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục*

Chương 3

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1. Một số kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo

3.1.1. Thành ủy Đà Nẵng vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng sát hợp với thực tiễn lãnh đạo phát triển giáo dục đào tạo của thành phố

Thành phố Đà ẵng được biết đến như một thành phố mạnh dạn trong việc áp dụng các giải pháp đột phá về kinh tế - xã hội và được biết đến với những điều “*không giống ai*” nhằm thực hiện chương trình “*5 không*” - Không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người để cướp của và “*Thành phố 3 có*” - Có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hóa - văn minh đô thị. Với sự chỉ đạo quyết liệt thực hiện đổi mới của lãnh đạo thành phố, Đà ẵng luôn được xem là điểm sáng với nhiều thành công trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và giáo dục đào tạo.

3.1.2. Phát huy mọi nguồn lực cho sự nghiệp giáo dục đào tạo

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, trong điều kiện nền kinh tế đang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, Đảng bộ Thành phố Đà ẵng đã xác định và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục với những nội dung sau:

Một là, tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội; vận động các tầng lớp nhân dân, trước hết là những người trong độ tuổi học tập, làm cho xã hội trở thành một xã hội học tập.

Hai là, vận động toàn dân chăm sóc thể hệ trẻ, thực hiện nguyên lý nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội; tăng cường trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội nhằm tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh và phát triển.

Ba là, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, trong đó lấy trường công lập làm nòng cốt, chủ đạo bên cạnh mở các loại hình trường lớp như: bán công, dân lập, tư

thực và nhiều phương thức học tập (tập trung, tại chức, ngắn hạn, từ xa, bỏ túi...) từ các cơ sở có chức năng giáo dục đào tạo hoặc hợp đồng liên kết... nhằm tạo cơ hội cho mọi người trong thành phố tiếp cận với nền giáo dục mới của cả nước ta.

Bốn là, triệt để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong xã hội: nhân lực, vật lực, tài lực và trí lực cho phát triển giáo dục đào tạo. Vì vậy, cùng với việc tăng thêm ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển; chủ trương cải tiến chế độ học phí cho phù hợp với địa phương, huy động sự đóng góp của nhân dân có căn cứ vào mức sống và khả năng của từng vùng, miền... các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế và tranh thủ sự trợ giúp quốc tế.

3.1.3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với sự nghiệp giáo dục đào tạo

Sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta hơn 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã khẳng định: Sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng luôn đóng vai trò quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo, Nghị quyết 2 (khoá VIII) đã nhấn mạnh: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quan trọng, quyết định sự phát triển giáo dục đào tạo của thành phố.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn, sâu sắc các Nghị quyết của Thành ủy về giáo dục đào tạo và từ thực trạng ngành giáo dục đào tạo Đà Nẵng, điều kiện cụ thể của từng đơn vị, các cấp ủy đảng ở các cấp học, ngành học đã cụ thể hóa thành những chủ trương, giải pháp cụ thể, có tính khả thi nhằm làm chuyển biến mọi hoạt động trong nhà trường nhất là trong hoạt động dạy và học với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao hơn. Có thể khẳng định rằng: Chương trình hành động đó là do sự nỗ lực và quyết tâm của toàn thể đảng viên trong chi bộ và cán bộ giáo viên trong nhà trường, nhưng vai trò quyết định nhất của những cải biến có tính cách mạng đó là các cấp ủy Đảng. Chi bộ Đảng làm cơ sở, nền tảng cho mọi hoạt động, từ công tác chuyên môn, nghiệp vụ đến công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể, công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội hóa giáo dục... nếu không làm tốt những điều này thì không thể biến đường lối, chủ trương đối mới giáo dục đào tạo của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống nhân dân ở cơ sở.

- Hàng năm thông qua sinh hoạt hè có tổ chức cho giáo viên, cán bộ công chức, sinh viên và học sinh học tập, nghiên cứu quán triệt các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của cả nước như: Nghị quyết 2 (khoá VIII) về

giáo dục đào tạo, Chỉ thị 34 - CT/TW của Bộ Chính trị và các ả nghị quyết của thành phố Đảng bộ, Chỉ thị của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố và của các địa phương, đơn vị mình, coi đây là nhiệm vụ học tập bắt buộc, do đó kết quả tham gia học tập đạt tỷ lệ ở đội ngũ cán bộ, giáo viên là 97 - 100%, ở học sinh, sinh viên là 90 - 98%.

- Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, khoa, phòng; sinh hoạt Công đoàn, Đoàn thanh niên và qua các hoạt động của Hội đồng giáo dục nhà trường, nhằm nhắc nhở giáo viên, công đoàn viên, đoàn viên thanh niên ra sức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng của Đảng. Đồng thời qua đó cũng tổ chức tự phê bình và phê bình nhằm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

- ả hiệu đơn vị, trường học đã cố gắng nguồn tài chính để mua sắm nhiều trang thiết bị kỹ thuật nghe nhìn, sách báo phục vụ cho nghiên cứu giảng dạy và cung cấp thêm thông tin về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại... cho cán bộ, giáo viên, sinh viên và học sinh.

- Thông qua bài giảng trên lớp và tiếp xúc với học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên có ý thức liên hệ về những vấn đề có liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng, các chính sách và pháp luật của ả hà nước nhằm bồi dưỡng một cách có hệ thống mục tiêu, lý tưởng, đạo đức cách mạng và nhân cách sống cho học sinh, sinh viên. Giáo viên dạy các môn Giáo dục công dân, Đạo đức, Chính trị cũng được quan tâm bồi dưỡng để bổ sung kiến thức và phương pháp giảng dạy mới.

- Thông qua các hoạt động ngoại khóa, nói chuyện ả hiểu thêm về lịch sử, về truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước. Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp với Sở Giáo dục đào tạo, Liên đoàn Lao động thành phố, Thành đoàn Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Quận, Huyện và Đảng ủy Dân chính Đảng thành phố đã tổ chức nhiều cuộc thi bổ ích: tìm hiểu thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, truyền thống anh Bộ đội cụ Hồ, Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt ả am, Công đoàn Việt ả am, tìm hiểu môi trường sinh thái, phòng chống các tệ nạn xã hội, giáo dục pháp luật, an toàn giao thông, nữ sinh thanh lịch tài năng... tất cả các cuộc thi đều có chấm điểm, phân hạng, xếp loại và có những giải thưởng thích hợp. Đây mạnh các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xóa đói giảm

nghèo”... để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, lối sống nhằm hình thành nhân cách con người mới cho sinh viên, học sinh.

Việc xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, Ban giám hiệu, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các khoa phòng ban, các đoàn thể quần chúng, cán bộ đảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên trong việc thực hiện thắng lợi ả ghi quyết về giáo dục đào tạo của Đảng, Chỉ thị 34/CT-TW của Bộ Chính trị cũng được các cấp ủy đảng hết sức coi trọng theo những yêu cầu cụ thể sau đây:

- *Đối với Ban giám hiệu*: thực hiện tốt các quy chế về chuyên môn; thực hiện đúng và chấp hành đủ các chính sách của ả hà nước đối với ngành giáo dục đào tạo, đối với giáo viên, học sinh, sinh viên; quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí dành cho sự nghiệp phát triển giáo dục.

- *Đối với giáo viên, cán bộ công chức và học sinh*: thi đua dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt và trở thành những người lao động giỏi, đoàn viên tích cực.

- *Đối với các đoàn thể quần chúng*: vận động quần chúng tích cực tham gia các phong trào, hoạt động trong nhà trường và địa phương, tích cực tham gia góp ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng, Ban giám hiệu trong việc đánh giá, quy hoạch, sử dụng, bố trí đội ngũ cán bộ đảng viên trong nhà trường; phát hiện kịp thời những gương mặt tiêu biểu, đoàn viên ưu tú giới thiệu vào Đảng.

- *Đối với chi bộ, đảng bộ*: thực hiện nghiêm túc cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng, phấn đấu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực sự là hạt nhân lãnh đạo trong nhà trường, là niềm tin của thế hệ trẻ.

3.2. Một số đề xuất, khuyến nghị

Từ thực tế quá trình phát triển giáo dục, trên cơ sở tổng hợp các điểm mạnh, điểm yếu, nhận diện những thời cơ, thách thức chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị với lãnh đạo thành phố:

Thứ nhất, Thành phố tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho phát triển giáo dục đào tạo với tinh thần đầu tư cho giáo dục là đầu tư có lợi nhất. ả hận thức đúng đắn: Giáo dục đào tạo phải đi trước một bước. Yêu cầu của nền kinh tế nước ta với giáo dục đào tạo là yêu cầu của tương lai, của dự báo phát triển.

Thứ hai, thực hiện thật tốt 4 hóa: “Chuẩn hóa”, “Hiện đại hóa”, “Xã hội hóa”, “Dân chủ hóa” trong tất cả các đơn vị giáo dục đào tạo để góp phần phát triển thành phố nhanh, bền vững, mau chóng hội nhập với khu vực và quốc tế.

Thứ ba, tăng cường phát triển Đảng trong giáo viên. Đảng viên là giáo viên vừa được rèn luyện của Đảng, vừa được rèn luyện của ngành. Ắt hẳn vậy, thì chất lượng giảng dạy sẽ được nâng lên. Việc phát triển Đảng cho giáo viên thuận lợi hơn cả là ở các trường sư phạm, bởi vì lúc còn học ở trường cũng là lúc giáo sinh có cơ hội rèn luyện nhiều hơn cả. Giáo viên - Đảng viên chiếm số lượng đông nhất trong khối viên chức, sẽ tăng lên sức mạnh và trí tuệ cho Đảng.

Thứ tư, lấy việc đưa tin học vào quản lý và giảng dạy trong các trường học làm khâu đột phá trong đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy và học, lấy việc xây dựng lớp chuẩn, trường chuẩn làm nền tảng vững chắc để phát triển.

Thứ năm, tiếp tục việc thực hiện “chấn chỉnh công tác quản lý, khẩn trương lập lại kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực” trong trường học, xử lý nhanh chóng và kịp thời, nghiêm minh tất cả những tiêu cực, đặc biệt là đối với các Đảng viên

KẾT LUẬN

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến sự nghiệp chăm sóc và phát huy yếu tố con người. Điều đó xuất phát từ nhận thức sâu sắc những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của yếu tố con người, chủ thể của tất cả những sáng tạo, những nguồn của cải vật chất và văn hóa, những nền văn minh của các quốc gia. Xây dựng và phát triển con người có trí tuệ cao, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức là động lực đồng thời cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Để đạt được điều đó, giáo dục đào tạo có vai trò quyết định.

Dưới ánh sáng đổi mới của Đảng và Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng, Đà Nẵng là một trong những địa phương đi đầu trong công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục. Khởi đầu với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII Thành phố Đà Nẵng, đường lối đổi mới giáo dục của Đảng đã được vận dụng và triển khai vào điều kiện cụ thể của Thành phố Đà Nẵng.

Trong khoảng thời gian từ năm 1997 đến năm 2007, kết quả quan trọng là Đảng bộ Đà Nẵng đã nâng cao được nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng từ thành phố đến cơ sở, bảo đảm sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển đúng hướng và phục vụ tốt nhiệm vụ, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổng hợp các điểm mạnh của giáo dục đào tạo Đà Nẵng có thể thấy: Quy mô giáo dục ổn định và phát triển; Chất lượng giáo dục đào tạo ở mức cao so với mặt bằng chung của cả nước. Đa dạng hóa các loại hình trường học, đặc biệt là khối các trường ngoài công lập ở bậc mầm non, trung học phổ thông và các trường đạt chuẩn quốc tế; Đội ngũ giáo viên đủ số lượng, được chuẩn hóa nhanh và ngày càng nâng cao về chất lượng; Có những điểm sáng về xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục. Cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường ngày càng được hoàn thiện. Ấy vậy, Đà Nẵng đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở trước 10 năm, so với thời gian đề ra tại Nghị quyết 41/QH10 của Quốc hội khóa X. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh đúng hướng đã góp phần nâng cao dân trí của địa phương, đưa phong trào học tập của thành phố đến mục đích “*cả xã hội học tập*”.

Tuy nhiên, bên cạnh thành quả đạt được, trước yêu cầu và thử thách mới, giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng đang bộc lộ những hạn chế không tránh khỏi. Về đội ngũ, một bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới

giáo dục phổ thông cả về năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và phẩm chất nhà giáo. Về các điều kiện đảm bảo chất lượng, tuy thành phố ưu tiên đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh sự nghiệp giáo dục trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, sự phối hợp chỉ đạo của Bộ giáo dục - Đào tạo, được sự ủng hộ của nhân dân, ngành giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng đã thực hiện các giải pháp hợp lý, tiếp tục củng cố những thành quả và đạt được những thành tích khả quan.

Mười năm lãnh đạo sự nghiệp giáo dục đào tạo tuy chưa phải là khoảng thời gian dài, những kết quả đạt được chưa phải là lớn, nhưng với tất cả những gì mà Đảng bộ và ngành giáo dục đào tạo Đà Nẵng đã làm, đã để lại cho Đảng bộ, cho ngành những kinh nghiệm bổ ích, quý báu. Đồng thời, đó cũng là những hành trang ban đầu, những tiền đề đầy hứa hẹn để giáo dục đào tạo Thành phố Đà Nẵng và cả nước vững bước trong thế kỷ XXI với nhiều thành tích mới. Trong định hướng phát triển giáo dục đào tạo từ năm 2010 đến năm 2015 Thành ủy Đà Nẵng đã xác định: thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là chất lượng giáo dục toàn diện; rút ngắn khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa nội và ngoại thành. Xây dựng Trường chuyên Lê Quý Đôn trở thành trường trung học phổ thông chuyên chất lượng cao trọng điểm quốc gia. Hoàn thành xây dựng Làng Đại học Đà Nẵng theo quy hoạch. Xúc tiến mạnh mẽ việc thành lập trường đại học công lập chuẩn quốc tế. Phấn đấu xây dựng Đại học Đà Nẵng xứng đáng là đại học trọng điểm vùng, cùng với Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III và các trường đại học, cao đẳng khác trên địa bàn đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm đào tạo quy mô lớn, chất lượng cao của khu vực.